

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày 15 - 10 - 2019

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thê Hoà.

Bà Tê Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 09/8/2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/9/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1976; địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông E, sinh năm 1975; địa chỉ: Đường P, ngã tư đường L và đường V, khu phố Y, đô thị O, trung tâm H, nước Cuba; Quốc tịch: Cu Ba (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/7/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:

Bà D và ông E đăng ký kết hôn vào ngày 20/8/2014 tại UBND tỉnh Đắk Lắk dựa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi chung sống một thời gian, đến tháng 6/2015 ông E trở về Cu Ba sinh sống và làm việc, còn bà D vẫn ở Việt Nam, kể từ đó đến nay ông E chưa quay lại Việt Nam thăm bà D lần nào. Do xa cách về địa lý, cả hai người có suy nghĩ, quan điểm khác nhau về nhiều vấn đề trong cuộc sống nên phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay, thực tế hôn nhân của bà D với ông E không còn tồn tại, cả hai đã ly thân 04 năm nay, mâu thuẫn vợ chồng

không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tình cảm vợ chồng với nhau. Vì vậy, bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông E.

Quá trình chung sống bà D với ông E không có con chung, không có tài sản chung và công nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông E có ý kiến bằng văn bản ghi ngày 03/9/2019:

Ông E thống nhất với phần trình bày của bà D. Ông E muốn có con chung để gắn kết mối quan hệ vợ chồng nhưng bà D không đồng ý. Mặt khác, do khoảng cách địa lý xa xôi nên ông không thể có mặt tại Việt Nam và thực tế cả hai đã ly thân 04 năm nay. Hiện nay, ông không còn tình cảm vợ chồng với bà D, cả hai đều không muốn hàn gắn vì không thấy hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông E đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ D để cả hai có cuộc sống riêng.

Quá trình chung sống ông và bà D không có con chung, không có tài sản chung và không có công nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do ở xa không có điều kiện về Việt Nam tham gia tố tụng nên ông E đề nghị Tòa án cho ông được giải quyết và xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Bị đơn ông E là công dân Cu Ba kết hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ D là công dân Việt Nam. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông E đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, tuy nhiên ông E đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt nên đề nghị HĐXX sơ thẩm xét xử vắng mặt ông E.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà D, cho bà D được ly hôn với ông E.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông E đăng ký kết hôn vào ngày 20/8/2014 tại UBND tỉnh Đ, việc kết hôn dựa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, bà D và ông E chỉ chung sống được với nhau gần 01 năm tại Việt Nam thì ông E quay lại Cu Ba sinh sống và làm việc. Trong thời gian xa cách về địa lý từ khoảng tháng 6/2015 đến nay, ông E không về Việt Nam, bà D cũng không sang Cu Ba để gặp ông E, do đó ông E và bà D thực tế không chung sống, không gặp gỡ nhau nên tình cảm vợ chồng hiện nay không còn, thực tế hôn nhân của ông bà không còn tồn tại từ sau khi ông E quay về Cu Ba. Do đó, ông E và bà D cùng đồng ý yêu cầu Tòa án giải quyết cho cả hai được ly hôn.

Xét thấy, hiện nay vợ chồng ông E và bà D tình cảm thật sự không còn, sau khi kết hôn cả hai không chung sống với nhau, không gặp gỡ thăm hỏi nhau nên thực tế hôn nhân không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù, cả hai không chứng minh được cuộc sống hôn nhân không có mâu thuẫn gì trầm trọng, mâu thuẫn chỉ xuất phát từ việc bà D đang sinh sống tại Việt Nam, còn ông E đang sinh sống tại Cu Ba nên không có thời gian quan tâm, chăm sóc, gần gũi với nhau. Mặt khác, hai vợ chồng không có con chung, cả hai người có quan điểm sống và cách suy nghĩ khác nhau về nhiều vấn đề trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn và ảnh hưởng đến cuộc sống hôn nhân và gia đình. Thực tế hai vợ chồng đã ly thân từ hơn 04 năm nay, do đó hạnh phúc hôn nhân không còn tồn tại nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà D xin được ly hôn với ông E là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung, tài sản chung và công nợ: Quá trình chung sống ông E và bà D chưa có con chung, không có tài sản chung cũng như công nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập, xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà D phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] - Căn cứ vào Điều 28, khoản 3 Điều 35; điểm a, b khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 153, Điều 207, điểm d khoản 1 Điều 469; điểm b khoản 1 Điều 470, Điều 474, Điều 475, Điều 476, Điều 477, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông E của bà Nguyễn Thị Mỹ D.

Bà Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn với ông E.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0002528 ngày 06/8/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về quyền kháng cáo:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ D được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

- Ông E được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

\ Y Phi Kbuôr

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 15 tháng 10 năm 2019.

Tại: Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Y Phi Kbuôr

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thế Hoà

Bà Tề Thị Thanh

Tiến hành nghị án hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 09/8/2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Dung với bị đơn ông E Enrique Martes Vinent.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

[1] Về quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Biểu quyết: 3/3 = 100% đồng ý.

[2] Về Điều luật áp dụng:

- Căn cứ vào Điều 28, khoản 3 Điều 35; điểm a, b khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 153, Điều 207, điểm d khoản 1 Điều 469; điểm b khoản 1 Điều 470, Điều 474, Điều 475, Điều 476, Điều 477, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Biểu quyết: 3/3 = 100% đồng ý.

[3] Các quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông E Enrique Martes Vinent của bà Nguyễn Thị Mỹ Dung. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung được ly hôn với ông E Enrique Martes Vinent.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0002528 ngày 06/8/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Biểu quyết: 3/3 = 100% đồng ý.

[5] Về quyền kháng cáo:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

- Ông E Enrique Martes Vinent được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Biểu quyết: 3/3 = 100% đồng ý.

Nghị án kết thúc vào hồi 14 giờ 40 phút, cùng ngày 15/10/2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thế Hoà

Tề Thị Thanh

Y Phi Kbuôr